

BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Kèm theo Tờ trình số /TTr- UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Đơn vị	Ý kiến tham gia	Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến
I. CÁC ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ THỐNG NHẤT			
1		Sở Thông tin và Truyền thông (Văn bản số 2074/STTTT-HCTH ngày 25/10/2023); Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn bản số 3186/STNMT-VP ngày 26/10/2023); Tinh đoàn (Văn bản số 885-CV/TĐTN ngày 31/10/2023); UBND huyện Đắk Tô (Văn bản số 1584/UBND ngày 31/10/2023); Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (Văn bản số 3462/BCH-TM ngày 01/11/2023); Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 1119/SKHCN-HCTH ngày 02/11/2023); Sở Công thương (Văn bản số 2239/SCT-HCTH ngày 06/11/2023); Ban Dân tộc (Văn bản số 1380/BDT-HCTH ngày 03/11/2023); UBND huyện Tu Mơ Rông (Văn bản số 2994/UBND-NV ngày 05/11/2023); UBND huyện Đắk Glei (Văn bản 2420/UBND-NV ngày 06/11/2023); trường Cao đẳng Cộng đồng (Văn bản số 618/CĐKT-TCCB ngày 06/7/2023); Công an tỉnh (Văn bản số 3835/CAT-PV01 ngày 08/11/2023); Ban Quản lý khu kinh tế (1242/BQLKKT-VP ngày 13/11/2023);	
II CÁC ĐẠI PHƯƠNG, ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN			
1	Hội Cựu chiến binh tỉnh (Văn bản số 234/CV-CCB ngày 27/10/2023)	<p>Mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi; Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ bằng 200.000 đồng/người/tháng là không phù hợp.</p> <p>Đề nghị mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi; Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ tối thiểu 750.000</p>	<p>- Đề xuất nâng mức hỗ trợ hàng tháng từ mức dự kiến ban đầu 200.000 đồng/người/tháng lên tối thiểu 750.000 đồng/người/tháng (đối với Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi; Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ):</p> <p>Qua kết quả thảo luận dự toán ngân sách năm 2024 với Bộ Tài chính, thu nội địa năm 2024 (không kể tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và thu cổ tức lợi nhuận sau thuế) bằng dự toán trung ương giao năm 2023, chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2024 tương đương dự toán năm 2023, như vậy chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2024 vẫn còn nhiều khó khăn, phải thực hiện giảm chi, cơ cấu, sắp xếp lại nhiệm vụ chi thường xuyên cho phù hợp với khả năng</p>

		đồng/người/tháng.	<p>ngân sách để có nguồn bố trí cho nhiệm vụ chi phát sinh mới cấp thiết và tình hình thực tế của địa phương. Dự kiến chi thường xuyên ngân sách địa phương các năm tiếp theo (năm 2025, 2026) cũng tương đương với năm 2024.</p> <p>Qua rà soát, nhu cầu kinh phí thực hiện tăng thêm khá lớn (39.917 triệu đồng)¹ Trung ương không hỗ trợ thêm và vượt quá khả năng cân đối của ngân sách tỉnh hiện nay. Do đó, thống nhất trình các cấp thẩm quyền xem xét giữ nguyên mức phụ cấp cho 08 chức danh ở thôn như dự thảo của Sở Nội vụ ban đầu với mức là 200.000 đồng/người/tháng là phù hợp.</p>
2	Sở Y tế (761/SYT-TCHC ngày 27/10/2023)	<p>Tại điểm b khoản 4 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết ghi là: “<i>Mức hỗ trợ hàng tháng đối với Nhân viên y tế thôn, bản bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã vùng khó khăn; đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã còn lại áp dụng mức 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng</i>”. Sở Y tế đề xuất biên tập lại nội dung như sau: “<i>Mức hỗ trợ đối với Nhân viên y tế thôn tại các thôn đặc biệt khó khăn bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng; mức hỗ trợ đối với Nhân viên y tế thôn còn lại bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng</i>”.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất tên gọi thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (gọi chung là thôn) được quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ 	- Thống nhất tiếp thu, điều chỉnh.

¹ Dự thảo ban đầu dự toán kinh phí thực hiện **14.515 triệu đồng** (756 thôn x 8 chức danh/thôn x 200.000 đồng/người/tháng x 12 tháng); Theo ý kiến đề xuất Hội cựu chiến binh tỉnh đề nghị mức hỗ trợ hàng tháng tối thiểu 750.000 đồng/người/tháng, theo đó nhu cầu kinh phí thực hiện tính cho 1 năm khoảng **54.432 triệu đồng** (756 thôn x 8 chức danh/thôn x 750.000 đồng/người/tháng x 12 tháng); tăng so với nhu cầu kinh phí dự kiến ban đầu là **39.917 triệu đồng** (54.432 triệu đồng - 14.515 triệu đồng).

	<p>trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 và Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. Do đó, việc dùng chức danh Nhân viên y tế thôn trong dự thảo văn bản Nghị quyết để phù hợp với quy định.</p> <p>- Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản, đã quy định các xã vùng khó khăn thực hiện theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn; hiện nay, đã được thay thế bởi Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Ngày 16 tháng 9 năm 2021, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBND, theo đó tỉnh Kon Tum có 371 thôn đặc biệt khó khăn (trong đó, thuộc xã có thôn dân tộc thiểu số và miền núi: 01 thôn, thuộc xã khu vực I: 23 thôn, thuộc xã khu vực II: 17 thôn, thuộc xã khu vực III: 330 thôn). Hiện nay, tỉnh Kon Tum có 17 phường, thị trấn, có 98 tổ dân phố và 50 thôn, trong đó có 14 thôn đặc biệt khó khăn.</p> <p>Từ những lý do nêu trên, việc quy định mức hỗ trợ đối với Nhân viên y tế thôn tại các thôn đặc biệt khó khăn (<i>bằng</i></p>	<p>- Không tiếp thu. Lý do: Qua rà soát tại Tờ trình số 1748/TTr-SYT ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Sở Y tế đề nghị UBND tỉnh thông qua chính sách xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, mức bồi dưỡng đối với nhân viên y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Trong đó đề xuất số lượng nhân viên y tế thôn là 622 người (<i>Nội dung này đã được Sở Y tế xin ý kiến các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Tài chính; Nội vụ và các thành viên UBND tỉnh, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh và đăng trên cổng thông tin điện tử của tỉnh 30 ngày</i>). Đồng thời, tại Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 13/06/2023 UBND tỉnh đã thông qua chính sách.</p> <p>Bên cạnh đó tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “Quyết định này không áp dụng đối với nhân viên y tế tại các tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn.”</p> <p>Như vậy, việc hỗ trợ chỉ đối với nhân viên y tế thôn, không áp dụng đối với nhân viên y tế tại các tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn.</p> <p>Do đó, việc Sở Y tế đề nghị xem xét bổ sung thêm tổng số 134 nhân viên y tế thôn, tổ dân phố thuộc</p>
--	---	---

		<p>0,5 mức lương cơ sở/người/tháng), Nhân viên y tế thôn thuộc xã, phường, thị trấn (bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng), nâng tổng số nhân viên y tế thôn trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ kinh phí hàng tháng là 658 người là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo tính công bằng về chế độ chính sách đối với Nhân viên y tế thôn trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “Quyết định này không áp dụng đối với nhân viên y tế tại các tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn; như vậy, việc hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn thuộc phường, thị trấn có tính đặc thù của tỉnh.</p> <p>Hoặc xem xét bổ sung thêm 98 nhân viên y tế tổ dân phố thuộc phường, thị trấn, nâng tổng số nhân viên y tế thôn trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ kinh phí hàng tháng (bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng) là 756 người/756 thôn, tổ dân phố (nếu cấp có thẩm quyền cân đối được ngân sách).</p>	<p>phường, thị trấn² (trong đó: 36 nhân viên y tế thôn thuộc phường, thị trấn và 98 nhân viên y tế tổ dân phố thuộc phường, thị trấn), đề xuất mức hỗ trợ hàng tháng bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng, nâng tổng số nhân viên y tế thôn trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ kinh phí hàng tháng là 756 người/756 thôn, tổ dân phố là chưa phù hợp so với dự thảo trước đây Sở Y tế đã trình cấp có thẩm quyền cho ý kiến đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành thực hiện.</p>
3	<p>UBND huyện Đăk Hà (Văn bản số 3411/UBND-NC ngày 01/11/2023)</p>	<p>2. Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau:</p> <p>- Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị sửa thành: “<i>Người hoạt động không chuyên trách cấp xã được hưởng mức phụ cấp hằng tháng bằng <u>2,0</u> mức lương cơ</i></p>	<p>- Theo quy định đơn vị hành chính cấp xã loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng 21,0 lần mức lương cơ sở; Đơn vị hành chính cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,0 lần mức lương cơ sở; Đơn vị hành chính cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 15,0 lần mức lương cơ sở.</p> <p>Để bảo phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP, đối với đơn vị hành chính cấp xã</p>

² Ngoài đối tượng nhân viên y tế thôn tại các thôn đặc biệt khó khăn và nhân viên y tế thôn tại các xã còn lại.

	<p><i>sở/người/tháng (bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế)”⁽³⁾.</i></p> <p>- Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị sửa thành:</p> <p><i>“Mức phụ cấp hằng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:</i></p> <p><i>a) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã mức phụ cấp là 2,0 mức lương cơ sở/mỗi chức danh.</i></p> <p><i>b) Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại mức phụ cấp là 1,5 mức lương cơ sở/mỗi chức danh”⁽⁴⁾.</i></p> <p>- Tại điểm a khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị sửa thành: <i>“Mức hỗ trợ hằng tháng đối với Công an viên, Thôn đội trưởng bằng 1,0 mức lương cơ sở/người/tháng”⁽⁵⁾.</i></p> <p>- Tại điểm d khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị sửa thành: <i>“Mức hỗ trợ hằng tháng đối với Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến</i></p>	<p>có số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách tăng thêm. Do đó giao mức phụ cấp 1.5 mức lương cơ sở/người/tháng (bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế) là phù hợp.</p> <p>- Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, TDP: Trên cơ sở các quy định tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP và ý kiến của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 6044/BNV-CQĐP ngày 16/10/2023 hướng dẫn về mức khoán phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, việc đề xuất đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã mức phụ cấp là 1,7 mức lương cơ sở/mỗi chức danh. Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại mức phụ cấp là 1,2 mức lương cơ sở/mỗi chức danh là phù hợp với quy định và thực tiễn.</p> <p>Đối với những người trực tiếp tham gia công việc của thôn:</p>
--	--	--

³⁾ Theo đề xuất của UBND thị trấn Đắk Hà.

⁴⁾ Theo đề xuất của UBND xã Đắk Mar; UBND xã Đắk Ngok.

⁵⁾ Theo đề xuất của UBND xã Đắk La.

		<p><i>binh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi; Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ bằng <u>500.000 đồng/người/tháng</u>”⁽⁶⁾.</i></p>	<p>+ Đối với Thôn Đội trưởng: Nghị định 72/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ quy định: “2. Đối với Thôn đội trưởng: Mức hưởng phụ cấp hàng tháng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nhưng không thấp hơn 745.000 đồng.” Do đó việc quy định mức phụ cấp 0,5 là phù hợp.</p> <p>+ Đối với Công an viên: Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh công an xã và Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy không quy định cụ thể mức phụ cấp. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và khả năng ngân sách của tỉnh việc đề xuất mức hỗ trợ đối với công an viên là 0,5 là phù hợp với thực tiễn.</p> <p>+ Đối với các chức danh khác: Hỗ trợ 200.000 đồng/người/tháng là phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.</p>
4	<p>Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh (Văn bản số 906/BTV-XDTCHCSLP</p>	<p>1. Tại điểm d, Khoản 4, Điều 3 quy định: "Mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi; Chi hội</p>	<p>- Tại dự thảo Nghị quyết đã quy định rõ việc hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho 05 tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm. ngoài ngân sách phân bổ hàng năm 05 tổ chức chính trị xã - hội cấp xã sẽ được hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/năm. Việc đề xuất mức 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm là trên cơ</p>

⁶⁾ Theo đề xuất của UBND thị trấn Đăk Hà; UBND xã Đăk La; UBND xã Hà Mòn.

	<p>ngày 01/11/2023)</p>	<p>trưởng Chi hội chữ thập đỏ bằng 200.000 đồng/người/tháng".</p> <p>Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh đề nghị tăng mức hỗ trợ hàng tháng đối với Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Bí thư Chi đoàn Thanh niên bằng 300.000 đồng/người/tháng, vì theo chức năng, nhiệm vụ và tính chất công việc thì 2 tổ chức này công việc nhiều, thường xuyên và liên tục hơn.</p> <p>2. Tại Khoản 1, Điều 5 quy định:</p> <p>"Hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm (ngoài ngân sách phân bổ hàng năm)".</p> <p>Đề nghị cần làm rõ và cụ thể hơn: 1.500.000 cho mỗi tổ chức hay cho cả 5 tổ chức chính trị-xã hội? Nếu 1.500.000 cho cả 5 tổ chức chính trị-xã hội thì là quá thấp (300.000đồng/tổ chức/năm) thì tổ chức được hoạt động gì? Đề nghị có 2 phương án:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Là không hỗ trợ 2. Tăng mức hỗ trợ lên từ 300.000đồng/tổ chức/năm lên 500.000đồng/tổ chức/năm. 	<p>sở cân đối nguồn ngân sách của tỉnh.</p> <p>- Đối với đề xuất của Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh tăng hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho 05 tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm lên 2.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm: Nguồn lực ngân sách tỉnh còn khó khăn, bên cạnh đó mức chi này được kế thừa từ Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND mức khoán kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội cấp xã là: 1.500.000 đồng.</p> <p>Tại Khoản 3 và khoản 4 Điều 19 Nghị quyết 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh⁷ quy định: Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể</p> <p><i>“3. Trường hợp dự toán chi quản lý hành chính tính theo định mức quy định tại Khoản 1 Điều này nhỏ hơn 25% so với tổng chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể (cấp huyện, cấp xã) sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 25%; đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tối đa 75%.</i></p> <p><i>Hội đồng nhân dân cấp huyện phân bổ cụ thể chi thường xuyên khác (ngoài tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp) cho các cơ quan, đơn vị hành chính đảng, đoàn thể cấp huyện và cấp xã hoạt động bộ máy đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 20% so với tổng chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể của cấp huyện, cấp xã. Phần kinh phí còn lại, cấp huyện được phân bổ cho các nhiệm vụ chi quản lý hành chính khác của cấp huyện, xã theo phân cấp quản lý hiện hành.</i></p> <p>4. Khoản kinh phí hoạt động thôn, tổ dân phố: 20</p>
--	-------------------------	---	---

⁷ Về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

			<p><i>triệu đồng/thôn, tổ dân phố; Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3% mức lương cơ sở/tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã 1,5 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm; theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.”</i></p> <p>Căn cứ các quy định nêu trên, mức hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm (ngoài ngân sách phân bổ hàng năm) là phần kinh phí được hỗ trợ tăng thêm cho cấp xã cùng với nguồn kinh phí quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể đã được phân bổ tại Khoản 3 Điều 19 Nghị quyết 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh để đảm bảo hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Trên cơ sở đó, đề xuất giữ nguyên mức hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm.</p>
5	Ban Tổ chức Tỉnh ủy (Văn bản số 3359-CV/BTCTU ngày 31/10/2023)	<p>Đề nghị Sở Nội vụ tham mưu xây dựng mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có mức tương quan hợp lý hơn. Vì dự thảo Nghị quyết nêu mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 1,5 mức lương cơ sở/người/tháng. trong khi đó mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, TDP là 1,7 cao hơn mức lương cơ sở đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 0,2 mức lương cơ sở.</p>	<p>- Đối với phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; trong đó quy định:</p> <p><i>“1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp. Ngân sách Trung ương thực hiện khoán quỹ phụ cấp bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau:</i></p>

			<p>a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng 21,0 lần mức lương cơ sở;</p> <p>b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,0 lần mức lương cơ sở;</p> <p>c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 15,0 lần mức lương cơ sở.”</p> <p>Đối với đơn vị hành chính cấp xã, trên cơ sở số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại khoản 1⁸ Điều 33 Nghị định này thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tương ứng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách là phù hợp với quy định của Trung ương.</p> <p>- Đối với phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Căn cứ Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, quy định:</p> <p>“2. Thực hiện khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Ngân sách Trung ương khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố như sau:</p> <p>a) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo</p>
--	--	--	---

⁸ 1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Loại I là 14 người; loại II là 12 người; loại III là 10 người.

			<p>được khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở. Trường hợp thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã thì được giữ mức khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở;</p> <p>b) Đối với các thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được khoán quỹ phụ cấp bằng 4,5 lần mức lương cơ sở;...</p> <p>3. Căn cứ vào quỹ phụ cấp được ngân sách Trung ương khoán cho mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại các khoản 1, 2 Điều này; nguồn kinh phí ngân sách chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương; các quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của từng cấp xã, từng thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:”</p> <p>Căn cứ vào mức khoán được giao nêu trên: Nếu chia bình quân cho 03 chức danh (bao gồm Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận) theo quy định tại tiết a khoản 2 Điều 34 thì phụ cấp hàng tháng là 2,0 lần mức lương cơ sở/một chức danh/tháng (6,0/3 chức danh) và theo quy định tại tiết b khoản 2 Điều 34 thì phụ cấp hàng tháng là 1,5 lần mức lương cơ sở/một chức danh/tháng (4,5/3 chức danh). Tuy nhiên, để đảm bảo hỗ trợ cho người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, Sở Nội vụ đã tham mưu Ban cán sự Đảng UBND tỉnh có Kết luận số 776-KL/BCSD ngày 23 tháng 10 năm 2023 thống nhất mức cụ thể: Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự</p>
--	--	--	---

			<p><i>theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, là 1,7 lần mức lương cơ sở/mỗi chức danh. Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại mức phụ cấp là 1,2 lần mức lương cơ sở/mỗi chức danh.</i></p> <p>Bên cạnh đó, theo quy định tại Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết 36/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2020; trong đó: Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới, mức phụ cấp là 1,66 mức lương cơ sở/mỗi chức danh. đối với các thôn, TDP còn lại mức phụ cấp là 1,0 mức lương cơ sở/mỗi chức danh. Mức khoán đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, TDP quy định tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP đều tăng so với Nghị định 34/2019/NĐ-CP. Do đó việc cân đối mức phụ cấp đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên là 1,7; thôn còn lại là 1,2 là phù hợp. Nhằm đảm bảo mức phụ cấp đối với các chức danh không chuyên trách trên địa bàn tỉnh đều tăng.</p>
6		<p>3. Tại tiết b khoản Điều 3 đơn vị dự thảo: “<i>b) Mức hỗ trợ hằng tháng đối với Nhân viên y tế thôn, bản bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã vùng khó khăn; đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã còn lại áp dụng mức 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng.</i>”</p> <p>Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp</p>	<p>- Thống nhất tiếp thu điều chỉnh.</p>

<p>Sở Tài chính (Văn bản số 4212/STC- QLNS ngày 02/11/2023)</p>	<p>thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025:</p> <p><i>“2. Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn, bản</i></p> <p><i>Cô đỡ thôn, bản thuộc các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được đào tạo và đang trực tiếp thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng, trường hợp chưa được hưởng mức phụ cấp nhân viên y tế thôn bản theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp của nhân viên y tế thôn, bản thì được hỗ trợ 0,5 mức lương cơ sở/tháng.”</i></p> <p>Trên cơ sở đó, đề nghị đơn vị điều chỉnh và biên tập lại như sau:</p> <p><i>“b) Mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các thôn đặc biệt khó khăn bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng; đối với nhân viên y tế thôn, bản còn lại áp dụng mức 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng. Không áp dụng đối với cô đỡ thôn, bản làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.”</i></p> <p>- 4. Tại Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết kèm theo Công văn số 3022/SNV-XDCQ&TCBM ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Sở Nội vụ nêu: Hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã</p> <p><i>“1. Hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm (ngoài ngân sách phân bổ hàng năm).</i></p> <p>2. Ngoài mức khoán kinh phí hoạt động quy định tại</p>	<p>- Thống nhất tiếp thu, điều chỉnh.</p>
---	--	---

		<p><i>khoản 1 Điều này, tùy theo điều kiện khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ bổ sung kinh phí hoạt động cho phù hợp với nhiệm vụ thực tế được giao.”</i></p> <p>Tại dự thảo Nghị quyết đã quy định cụ thể mức hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm (<i>ngoài ngân sách phân bổ theo định mức quy định hàng năm</i>). Do đó, Sở Tài chính đề nghị đơn vị không biên tập nội dung tại khoản 2 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết này.</p>	
7	<p>UBND huyện Sa Thầy (Văn bản số 3106/UBND-TH ngày 06/11/2023)</p>	<p>Điểm d khoản 4 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum quy định: <i>“Mức hỗ trợ hằng tháng đối với Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi; Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ bằng 200.000 đồng/người/tháng”</i>.</p> <p>Đối với nội dung này, Ủy ban nhân dân huyện đề xuất để Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định về mức hỗ trợ hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, trên cơ sở căn cứ theo từng nhiệm vụ của từng người. Đặc biệt, đối với Phó Trưởng thôn là người giúp Trưởng thôn thực hiện các nhiệm vụ của Trưởng thôn, nên mức hỗ trợ 200.000đ/tháng là chưa phù hợp với công việc và trách nhiệm của Phó Trưởng thôn.</p>	<p>Tại khoản 3 điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định căn cứ vào quỹ phụ cấp được ngân sách Trung ương khoán cho mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố nguồn kinh phí ngân sách chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương; các quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của từng cấp xã, từng thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, TDP.</p> <p>Việc hỗ trợ 200.000 đồng/người/tháng là phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.</p>
8	<p>UBND huyện</p>	<p>- Theo quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 3 của</p>	<p>Việc đề xuất hỗ trợ người trực tiếp tham gia công việc thôn, TDP là 200.000 đồng/người/tháng và hỗ trợ thêm đối với</p>

<p>Kon Rẫy (Văn bản số 1645/UBND-VX ngày 08/11/2023)</p>	<p>dự thảo Nghị quyết: “<i>Mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi; Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ bằng 200.000 đồng/người/tháng</i>”. Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, nâng thêm mức hỗ trợ hàng tháng cho những đối tượng này nhằm động viên, khích lệ tinh thần làm việc.</p> <p>- Theo quy định tại khoản 1, Điều 5 dự thảo Nghị quyết: “<i>Hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm (ngoài ngân sách phân bổ hàng năm)</i>”. Nội dung này, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh “<i>.....1.500.000 đồng/ngành/năm (ngoài ngân sách phân bổ hàng năm)</i>”. Vì lý do: Hiện nay các tổ chức chính trị - xã hội tại xã, thị trấn ngoài thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ tổ chức Hội còn thực hiện thêm một số nhiệm vụ chính trị tại địa phương, nhiệm vụ tương đối nhiều do vậy cần quan tâm, động viên, khích lệ tinh thần làm việc.</p>	<p>kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị xã hội cấp xã 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm là trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách của tỉnh.</p>
--	---	---